TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 220/2018/HC-PT
Ngày 26 tháng 6 năm 2018
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong trường hợp gcấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười;

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Công Lý;

Ông Vũ Ngọc Huynh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 197/2016/DSPT ngày 01 tháng 11 năm 2016 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất". Do bản án hành chính sơ thẩm số 16/2016/HCST ngày 14 tháng 09 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/QĐXX-PT ngày 06 tháng 02 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 3, ấp TN, xã VH, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu

Địa chỉ hiện nay: Ấp TP B, xã HT, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H: Luật sư Nguyễn Thị H1 – Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu.

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện: Ông Dương Thành Tr, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu – Xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số 05 NTT, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu

2/ Ủy ban nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HB và Ủy ban nhân dân huyện HB: Ông Hàn Ái L; Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt – xin xét xử vắng mặt).

3/ Ông Đặng Văn B, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp LG, thị trấn HB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu

Địa chỉ hiện tại: Ấp KL, xã ĐM, huyện NH, tỉnh Cà Mau.

- *Người làm chứng:*

1/ Bà Nguyễn Thị X (vắng mặt).

2/ Bà Đặng Thị Ng (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 3, ấp TN, xã VH, huyện HB, tỉnh Cà Mau.

3/ Ông Huỳnh Thanh T – Phó Chủ tịch xã VH (vắng mặt).

4/ Bà Nguyễn Thị Th – Trưởng phòng Phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện HB (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện – Ông Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai người khởi kiện ông Nguyễn Văn H trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp trước đây vào năm 1994, thực hiện theo Nghị quyết số 10 của Bộ chính trị, Hợp tác xã TN giao đất cho xã viên Hợp tác xã theo định mức gia đình ông được nhận là 22.500m^2, ông sử dụng cho đến năm 1996 thì theo chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh Minh Hải cho đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai và phần đất trên của ông có trong sổ mục kê được thành lập năm 1996, tại tờ bản đồ số 17, thửa số 434 với diện tích 20.988m^2.

Sau đó, ông đi làm ăn xa và có giao phần đất đang tranh chấp cho ông Vũ Duy H2 (là anh rể của ông H) trông nôm và canh tác thay ông, đến tháng 01/2000 thì ông H2 cho ông biết là phần đất ông gửi cho ông H2 thì ông H2 đã cho bà Đặng Thị Ng và ông Đặng Văn B thuê để làm muối cho đến hết năm 2005. Do là người thân nên ông đã tin tưởng ông H2, đến năm 2001 khi ông H2 chết thì cuối năm 2005 ông đến gặp bà Ng để lấy lại phần đất trên thì ông Điền Ngọc H3 (chồng bà Ng) cho biết là phần đất này ông H2 đã chuyển nhượng cho gia đình ông vào ngày 28/01/1997 do ông ủy quyền và đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 435, tờ bản đồ số 17 với diện tích 22.500m^2 , đất do bà Đặng Thị Ng đứng tên. Từ đó, ông khởi kiện việc bà Ng sử dụng phần đất của ông tại Tòa án, vì bà Ng khai nhận là phần đất ông có chuyển nhượng đất cho bà nhưng trên thực tế thì ông không có chuyển nhượng đất cho bà Ng, sau khi xem xét, giải quyết thì Tòa án nhân dân các cấp đã bác đơn khởi kiện của ông, sau khi yêu cầu được xem xét giám đốc thẩm thì ông mới biết được thửa đất số 434, tờ bản đồ số 17 với diện tích 20.988m^2 của gia đình ông thì ông Đặng Văn B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất là do ông H2 chuyển nhượng cho ông B, nhưng ông B không có giấy tờ chuyển nhượng đất hợp pháp, nên ông khiếu nại và đến ngày 27/6/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HB ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 1414/QĐ-UBND, không

đồng ý với nội dung quyết định trên, nên ông tiếp tục khiếu nại và đến ngày 03/02/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành quyết định số 153/QĐ-UBND với nội dung giữ nguyên nội dung của quyết định số 1414/QĐ-UBND.

Đối với việc ban hành quyết định trên đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, nay ông yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết tuyên hủy toàn bộ nội dung quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Theo nội dung văn bản ghi ý kiến người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày: Theo như những tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã tiến hành thu thập trong quá trình giải quyết vụ án thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật, ngoài ra không trình bày ý kiến gì thêm.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HB và Ủy ban nhân dân huyện HB là ông Hàn Ái L trình bày nội dung sau: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là vào năm 1994 ông Nguyễn Văn H được Hợp tác xã TN giao khoán với diện tích đất là 23.563,4m^2 đất nuôi trồng thủy sản theo Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 28/4/1988 của Bộ Chính trị " về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp", đất của Hợp tác xã giao khoán cho xã viên canh tác cải thiện đời sống kinh tế. Sau đó, ông H canh tác được 01 năm thì đi Cà Mau làm ăn có giao phần đất này lại cho ông Vũ Duy H2 (là anh rễ ông H) canh tác, đến năm 1997 ông H2 chuyển nhượng phần đất trên cho ông B với hình thức chuyển nhượng thành quả lao động. Ông B canh tác đến năm 2002 khi Hợp tác xã giải thể thì toàn bộ phần đất của Hợp tác xã do Ủy ban nhân dân xã VH quản lý.

Vào năm 1997, sau khi nhận chuyển nhượng phần đất từ ông H2 thì ông B canh tác liên tục nên theo chủ trương của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Lợi (nay là huyện HB) về việc thực hiện hợp thức hóa việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân thì đến năm 2007 ông B xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đến năm 2008 ông B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 32, tờ bản đồ số 02 với diện tích đất là 23.563,4m^2.

Từ những căn cứ trên, sau khi ông Nguyễn Văn H khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HB đã ban hành quyết định số 1414/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 với nội dung không chấp nhận yêu cầu của ông H và với nội dung khởi kiện của ông H thì đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HB và Ủy ban nhân dân huyện HB yêu cầu giữ nguyên nội dung quyết định giải quyết khiếu nại số 1414/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HB.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn B trình bày nội dung sau: Phần đất mà ông H đang khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông là do ông nhận chuyển nhượng thành quả lao động trên đất từ ông Vũ Duy H2 với diện tích 23.563,4m^2, giá nhận chuyển nhượng là 2,5 cây vàng 24k, theo ông biết thì phần đất này là của ông H2 được Hợp tác xã TN giao khoán cho ông (thời gian giao đất và diện tích đất cụ thể mà Hợp tác xã TN giao khoán cho ông H2 bao nhiêu thì ông không biết rõ). Lúc nhận chuyển nhượng thành quả lao động trên phần đất đang tranh chấp thì có làm giấy tay và được Phó chủ nhiệm

Hợp tác xã TN là ông Vũ Duy H4 ký xác nhận, khi ông làm đơn xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông đã nộp giấy tay nhận chuyển nhượng trên cho cơ quan nhà nước.

Từ khi nhận chuyển nhượng thành quả lao động trên đất từ ông H2 thì ông canh tác liên tục từ năm 1996 cho đến năm 2007, ông có làm đơn yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đến năm 2008 ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện phần đất này ông đang cho người khác thuê để nuôi trồng thủy sản do ông làm ăn xa ở Cà Mau nên không thể trực tiếp canh tác phần đất trên.

Đối với nội dung quyết định giải quyết khiếu nại số 1414/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HB và quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu thì ông đồng ý và yêu cầu Tòa án giải quyết giữ nguyên nội dung hai quyết định giải quyết khiếu nại trên.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số: 16/2016/HC-ST ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Toà án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ Điều 24 và Điều 49 Luật Đất đai năm 1993 (sửa đổi, bổ sung năm 2003);

Căn cứ khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác yêu cầu của ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn H đối với Quyết định số 1414/QĐ-UBND ngày 27/06/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HB.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/09/2016, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện là ông Nguyễn Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu và Quyết định số 1414/QĐ-UBND ngày 27/06/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HB.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày ý kiến: Diện tích đất đang còn tranh chấp mà cơ quan Nhà nước cấp giấy chứng nhận cho ông B là không đúng. Đất của ông H mà ông H2 bán cho ông B cũng không được sự đồng ý của ông H. Ông H đã có kê khai đăng ký vào Sổ mục kê năm 1996. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày

03/02/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu và Quyết định số 1414/QĐ-UBND ngày 27/06/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HB.

- Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Về tố tụng ở giai đoạn xét xử sơ thẩm và phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Sau khi phân tích toàn bộ các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ của vụ án xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu và xét đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn H; Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H; giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định của pháp luật.

[3] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn H khởi kiện đối với Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu giải quyết khiếu nại của ông H đối với Quyết định số 1414/QĐ-UBND ngày 27/06/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HB, nên quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định. Ngày 16/01/2016, ông Nguyễn Văn H nộp đơn khởi kiện đối với quyết định hành chính số 153 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu nên thời hiệu khởi kiện của ông H vẫn còn theo quy định pháp luật. Ông H khởi kiện quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu giải quyết khiếu nại của ông đối với nội dung quyết định số 1414/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HB. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của ông H thấy rằng: Theo tài liệu có trong hồ sơ thì có cơ sở xác định phần đất mà ông H yêu cầu xem xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B là do Ủy ban nhân dân tỉnh Minh Hải (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu và Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau) giao cho Hợp tác xã TN (xã VH, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu), đến năm 1994 Hợp tác xã TN giao khoán cho xã viên canh tác. Đây là tình tiết các bên không phải chứng minh.

[4.1] Theo quy định tại Điều 24 Luật Đất đai năm 1993 thì Hợp tác xã chỉ giao khoán đất để các xã viên Hợp tác xã TN canh tác theo hình thức thuê khoán chứ Hợp tác xã không phải là cơ quan có thẩm quyền giao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất theo quy định của luật đất đai. Trong trường hợp này đất của ông H là được Hợp tác xã giao khoán cho ông H có đất để canh tác chứ không phải ông H được Hợp tác xã TN giao quyền sử dụng đất.

[4.2] Năm 1994, ông H được giao khoán với diện tích 23.563,4m^2 đất, đến khoảng năm 1996 ông H đi Cà Mau làm ăn giao ông H2 quản lý canh tác diện tích đất này, việc giao, gửi đất này của ông H cho ông H2 là không phù hợp vì nếu ông H không canh tác thì phải giao trả phần diện tích đất này cho Hợp tác xã. Sau khi nhận phần đất từ ông H thì đến năm 1997, ông H2 chuyển nhượng đất này cho ông B thì cũng chỉ là chuyển nhượng thành quả lao động, hoa lợi trên đất chứ không phải chuyển nhượng quyền sử dụng đất, vì đất vẫn thuộc quyền quản lý của Hợp tác xã TN.

[4.3] Ngày 21/02/2002, Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành QĐ số 130/QĐ-UB với nội dung giải thể Hợp tác xã nông nghiệp TN. Như vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật đất đai năm 1993 thì Nhà nước thu hồi toàn bộ đất mà Nhà nước đã giao cho tổ chức khi tổ chức đó bị giải thể. Mặc khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 16 – CP ngày 21/02/1997 của Chính phủ quy định hướng dẫn về hoạt động của Hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã thì khi Hợp tác xã giải thể thì đất được giao lại cho cộng đồng do chính quyền ở địa phương quản lý.

[4.4] Do đó, toàn bộ diện tích đất mà Nhà nước giao cho Hợp tác xã TN, sau khi giải thể Hợp tác xã thì Nhà nước thu hồi lại. Nên, theo quy định của Luật đất đai thì toàn bộ diện tích đất của Hợp tác xã TN giao lại cho Ủy ban nhân dân xã VH, việc xem xét cấp quyền sử dụng đất cho người dân là thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân xã VH và Ủy ban nhân dân huyện HB theo quy định của Luật đất đai là xem xét cấp quyền sử dụng đất cho người đang quản lý, canh tác đất và lúc này ông H không phải là người trực tiếp canh tác. Đất mà Hợp tác xã TN giao cho ông H không phải là đất mà ông H nhận chuyển nhượng, được tặng cho hay thừa kế mà có để đưa vào Hợp tác xã TN nên ông H không có quyền đòi lại quyền sử dụng đất.

[4.5] Ông H cho rằng từ năm 1996 ông đã đi làm ăn ở Cà Mau nhưng lời khai của ông Vũ Văn Sửu – Nguyên đội trưởng đội III là đội trực tiếp quản lý phần đất giao khoán cho ông H xác định từ cuối năm 1983 ông H đã không còn ở tại địa phương (BL 73-74). Nên đến năm 2002 (khi Hợp tác xã TN giải thể) thì Cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp quyền sử dụng đất cho người đang canh tác quản lý đất là đúng với Luật đất đai năm 1993 (sửa đổi, bổ sung năm 2003).

[4.7] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông Nguyễn Văn H không cung cấp hay bổ sung thêm chứng cứ nào mới để làm cơ sở cho yêu cầu kháng cáo của ông. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, giữ nguyên

bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2016/HC-ST ngày 14/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ Điều 24 và Điều 49 Luật Đất đai năm 1993 (sửa đổi, bổ sung năm 2003);

Căn cứ khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác yêu cầu của ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu hủy quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn H đối với Quyết định số 1414/QĐ-UBND ngày 27/06/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HB.

2. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng. Ông H đã nộp tạm ứng 200.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0003091 ngày 16/02/2016 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 200 đồng. Được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0004638 ngày 26/9/2016 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự (5);
- Lưu: VP (3), HS (2), 15b. (ÁN 09)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Mười